

Bản án số: **69/2019/HNGĐST**
Ngày 14-10-2019
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Yến L** – sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: số 14, tổ 01, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Đặng Trung V1** – sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 14, tổ 01, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị Yến L trình bày:**

Chị và anh Đặng Trung V1 chung sống với nhau vào ngày 30/4/2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 17/9/2012. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng dần có khoảng cách, không tìm được tiếng nói chung. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L và anh V1 đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Đặng Thành Đ – sinh ngày 24/02/2006

2. Đặng Yến V2 – sinh ngày 12/9/2012

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L yêu cầu được ly hôn với anh V1.

- *Về quan hệ con chung:* Chị L yêu cầu được nuôi cháu Đặng Thành Đ – sinh ngày 24/02/2006 và cháu Đặng Yến V2 – sinh ngày 12/9/2012, yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 750.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu Đ và cháu V2 đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn anh Đặng Trung V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt nên anh V1 không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Yến L được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Đặng Trung V1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đặng Trung V1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngoài ra, tại phiên tòa chị L yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V1. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đặng Trung V1.

Xét yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và yêu cầu anh Đặng Trung V1 cấp dưỡng nuôi con của chị Mai Thị Yến L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Mai Thị Yến L và anh Đặng Trung V1 chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 123/2012, quyền số 01/2012, ngày 17/9/2012 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Xét thấy, quá trình chị Mai Thị Yến L và anh Đặng Trung V1 chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị L và anh V1 đã ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Chính vì thế, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con của chị L:

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng thì nguyện vọng của cháu Đặng Thành Đ và cháu Đặng Yến V2 đều muốn được sống chung với mẹ là chị L. Mặt khác, hiện nay cháu Đ và cháu V2 đang sống chung với chị L, chị L vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của hai cháu. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị L là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: chị L yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 750.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu Đặng Thành Đ và cháu Đặng Yến V2 đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định của pháp luật thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, chị L yêu cầu anh V1 cấp dưỡng 750.000đ/tháng/cháu là phù hợp với giá cả thị trường hiện nay cũng như nhu cầu thiết yếu của các con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Mai Thị Yến L:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh V1.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Thành Đ – sinh ngày 24/02/2006 và cháu Đặng Yến V2 – sinh ngày 12/9/2012 cho chị Mai Thị Yến L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đặng Trung V1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thành Đ và cháu Đặng Yến V2 mỗi cháu 750.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu Đ và cháu V2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí:

+ **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Mai Thị Yến L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

+ **Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh Đặng Trung V1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Yến L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị Yến L được ly hôn với anh Đặng Trung V1.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Thành Đ – sinh ngày 24/02/2006 và cháu Đặng Yến V2 – sinh ngày 12/9/2012 cho chị Mai Thị Yến L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Đặng Trung V1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Đặng Trung V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thành Đ – sinh ngày 24/02/2006 và cháu Đặng Yến V2 – sinh ngày 12/9/2012, mỗi cháu 750.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu Đặng Thành Đ và cháu Đặng Yến V2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Mai Thị Yến L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003453 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- **Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh Đặng Trung V1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Đặng Trung V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo